TOÀ ÁN NHÂN DÂN **KHU VỰC 2 - QUẢNG NINH**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**
Số: 108/2026/QĐST-HNGĐ	*Quảng Ninh, ngày 29 tháng 5 năm 2026*

QUYẾT ĐỊNH
CÔNG NHẬN THUẬN TÌNH LY HÔN VÀ SỰ THỎA THUẬN CỦA CÁC ĐƯƠNG SỰ

Căn cứ hồ sơ vụ án dân sự thụ lý số: 161/2026/TLST-HNGĐ ngày 12 tháng 5 năm 2026, giữa:

Nguyên đơn: Anh **Nguyễn Văn B,** sinh năm: 1991

Nơi ĐKHKTT: khu phố N, phường L, tỉnh Quảng Ninh.

Chỗ ở hiện tại: tổ dân phố C, phường H, thành phố Hải Phòng.

Bị đơn: Chị **Y A,** sinh năm: 1993

Địa chỉ: khu phố N, phường L, tỉnh Quảng Ninh.

Căn cứ vào Điều 147; Điều 212 và 213 của Bộ luật Tố tụng dân sự;

Căn cứ vào các Điều 55; 58; 81; 82; 83 của Luật Hôn nhân và gia đình;

Căn cứ vào điểm a khoản 1 Điều 24; khoản 7 Điều 26 Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Căn cứ vào biên bản ghi nhận sự tự nguyện ly hôn và hòa giải thành ngày 21 tháng 5 năm 2026.

XÉT THẤY:

Việc thuận tình ly hôn và thỏa thuận của các đương sự được ghi trong biên bản ghi nhận sự tự nguyện ly hôn và hòa giải thành ngày 21 tháng 5 năm 2026 là hoàn toàn tự nguyện và không vi phạm điều cấm của luật, không trái đạo đức xã hội.

Đã hết thời hạn 07 ngày, kể từ ngày lập biên bản ghi nhận sự tự nguyện ly hôn và hòa giải thành, không có đương sự nào thay đổi ý kiến về sự thỏa thuận đó.

QUYẾT ĐỊNH:

1. Công nhận sự thuận tình ly hôn giữa: Anh Nguyễn Văn B và chị Y A.

2. Công nhận sự thỏa thuận của các đương sự cụ thể như sau:

2.1/ Về quan hệ hôn nhân: Anh Nguyễn Văn B và chị Y A cùng thoả thuận thống nhất thuận tình ly hôn.

2.2/ Về con chung: Giao cả hai con chung Nguyễn Hoàng N, sinh ngày 26/6/2013 và Nguyễn Thị Bảo L, sinh ngày 24/03/2015 cho anh Nguyễn Văn B trực tiếp nuôi dưỡng kể từ tháng 05/2026 đến khi từng con chung thành niên (đủ 18 tuổi). Chị Y A không phải cấp dưỡng tiền nuôi con chung.

Chị Y A có quyền, nghĩa vụ thăm nom con mà không ai được cản trở. Trường hợp chị Y A lạm dụng việc thăm nom để cản trở hoặc gây ảnh hưởng xấu đến việc trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con thì anh B có quyền yêu cầu Tòa án hạn chế quyền thăm nom con của chị Y A.

2.3/ Về tài sản chung: Các đương sự không yêu cầu Toà án giải quyết.

2.4/ Về án phí dân sự sơ thẩm: Anh Nguyễn Văn B tự nguyện nộp 150.000đ (Một trăm năm mươi nghìn đồng) án phí dân sự sơ thẩm nhưng được trừ vào số tiền tạm ứng án phí đã nộp 300.000đ (Ba trăm nghìn đồng) theo biên lai số 0001960 ngày 12 tháng 5 năm 2026 tại Phòng thi hành án dân sự khu vực 2- Quảng Ninh. Anh B đã nộp đủ án phí dân sự sơ thẩm.

Trả lại anh Nguyễn Văn B 150.000đ (Một trăm năm mươi nghìn đồng) theo biên lai số 0001960 ngày 12 tháng 5 năm 2026 tại Phòng thi hành án dân sự khu vực 2- Quảng Ninh.

3. Quyết định này có hiệu lực pháp luật ngay sau khi được ban hành và không bị kháng cáo, kháng nghị theo thủ tục phúc thẩm./.

Trường hợp Quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a và 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

Nơi nhận:
- Đương sự;
- VKSND khu vực 2 - Quảng Ninh;
- UBND phường L, tỉnh Quảng Ninh;
- Phòng THADS khu vực 2 - Quảng Ninh;
- TAND tỉnh Quảng Ninh;
- Lưu hồ sơ vụ án.

THẨM PHÁN

Nguyễn Văn Bắc